

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST  
Ngày 26 - 02 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Thanh Diện và ông Hoàng Công Nghĩa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị H**, sinh ngày 06/6/1983, tại phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sơn H, sinh năm 1954 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1956; chồng Trần Ngọc S (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm: 2012, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị Hà T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Thượng G, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đinh Bình Q, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 02/11/2018, Nguyễn Thị H điều khiển xe đạp đi bán hàng dạo. Khi đi đến trước quán cà phê No.1 thuộc Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình thì phát hiện 01 xe mô tô mang nhãn hiệu Honda Air Blade, sơn màu đỏ - đen, biển kiểm soát 73E1-086.66 dựng trước quán, chìa khoá xe vẫn

còn trong ổ khoá điện của xe. Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H dựng xe đạp và tiến đến vị trí xe mô tô nói trên lấy chìa khoá, cất chìa khoá vào túi áo khoác rồi điều khiển xe đạp của mình vào cất giấu tại con đường hẻm cách quán cà phê khoảng 100m. Sau đó H đi bộ quay lại vị trí xe mô tô nói trên, dùng chìa khoá đã lấy được mở khoá xe và điều khiển xe đến gửi tại nhà giữ xe trước cổng chính chợ B. Sau khi gửi xe xong H đi bộ về vị trí cất giấu xe đạp của mình rồi đem gửi tại tiệm ảnh áo cưới Hải Diệp thuộc chợ B và quay lại nhà xe điều khiển xe máy đã lấy trộm được về nhà mình. Khi đi đến tổ dân phố Cầu, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, do lo sợ bị phát hiện nên H điều khiển xe mô tô quay lại quán cà phê No.1 để trả lại xe thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an thị xã B phát hiện và mời về làm việc tại trụ sở Công an phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Tại bản kết luận giá tài sản số 60/HĐ ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blabe, sơn màu đỏ - đen, biển kiểm soát 73E1- 086.66 có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 17.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B tạm giữ 01 xe mô tô do Hoa trộm cắp, 01 chiếc xe đạp của bị cáo và đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho đúng những chủ sở hữu.

Sau khi nhận lại được tài sản chị Nguyễn Thị Hà T và người liên quan anh Đinh Bình Q không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSTXBĐ, ngày 24/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng

Bị cáo Nguyễn Thị H nhất trí với tội danh và khung hình phạt như bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSTXBĐ, ngày 24/01/2019 và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 02/11/2018, Nguyễn Thị H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Hà T trị giá 17.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo H có đầy đủ dấu hiệu của tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính bị cáo cũng thừa nhận hành vi của mình đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, là người có sức khoẻ, có công việc, là mẹ của hai con đáng lẽ bị cáo phải chịu khó lao động, tạo ra thu nhập chính đáng để nuôi sống bản thân và gia đình, đồng thời làm gương cho các con nhưng chỉ vì háms lợi, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội. Tuy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, làm cho người dân hoang mang lo lắng trong sinh hoạt đời sống. Trường hợp phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của người bị hại trong việc quản lý tài sản, người bị hại đã quá chủ quan, sơ hở, thiếu cẩn thận nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt nên chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được học tập, cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm, phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt là phù hợp và tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc thu giữ và trả lại cho chị Nguyễn Thị Hà T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blabe, sơn màu đỏ - đen, biển kiểm soát 73E1-086.66 và trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H 01 chiếc xe đạp nữ, màu mận chín của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là hoàn toàn phù hợp, không có ai yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 xử:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi chỗ ở thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (Đối với người vắng mặt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q.Bình;
- CA TX B;
- VKSND TX B;
- THADS TX B;
- Sở Tư pháp tỉnh Q.Bình;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Tướng Thị Hà**